TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HSST
Ngày 24/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Quang- Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc Da cam Điôxin thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

2. Bà Trần Thị Bích Vân- Phó Giám đốc Trung tâm Dân số và Kế hoạch hóa gia đình huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Phụng- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2017/HSST ngày 13/10/2017 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị N, sinh năm 1966 tại Tây S, Bình Định; trú tại: Tổ 15, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Không biết chữ; con ông Lê Văn T và bà Trần Thị H (đều đã chết); bị cáo có chồng là Lê Văn L và có 01 người con sinh năm 1997; tiền án: Năm 2015 bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt 15 tháng tù về tội "Chứa mại dâm"; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/7/2017 đến ngày 21/7/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn H, sinh ngày 01/01/1982 tại P, Bình Định; trú tại: Thôn An P, xã P1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 05/12; con bà Trần Thị L (đã chết), cha không xác định được; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo có vợ là Huỳnh Thị H và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2008 nhỏ nhất sinh năm 2011; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/7/2017 đến ngày 21/7/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Quốc B, sinh ngày 10/10/1996 tại AK, Gia Lai; trú tại: Làng HR, xã Đak K, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 10/12; con

ông Phạm Đình L và bà Nguyễn Thị Thu T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 03 tháng 8 năm 2017 bị xử phạt vi phạm hành chính vì đã có hành vi đánh nhau tại Làng HR, xã Đak K, huyện K, tỉnh Gia Lai; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/7/2017 đến ngày 21/7/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo bị bắt tạm giam lại ngày 24/11/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, hiện có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Bửu Q, sinh ngày 05/01/1982 tại G, Tiền Giang; trú tại: Thôn An P, xã P1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng N (đã chết); bị cáo có vợ là Trần Thị Mỹ T và 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/7/2017 đến ngày 21/7/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Ngọc T, sinh năm 1982 tại AK, Gia Lai; trú tại: Tổ 11, phường Tây S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Trần Ngọc T1 và bà Phan Thị C; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2006 và nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện có mặt tại phiên tòa.

6. Hồ Tấn Q, sinh ngày 28/4/1992 tại Đ, Gia Lai; trú tại: Thôn An Q, xã P1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm điện dân dụng; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Hồ Tấn L và bà Huỳnh Thị H; bị cáo có vợ là Phan Thị Lệ H và 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/7/2017 đến ngày 21/7/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện có mặt tại phiên tòa.

7. Đào Thanh T, sinh ngày 04/7/1983 tại AK, Gia Lai; trú tại: Tổ 6, phường Tây S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Đào Vĩnh B và bà Tân Thị L; bị cáo có vợ là Lê Thị Ngọc T và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/7/2017 đến ngày 21/7/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn An T, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn An P, xã P1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Hiện có mặt tại phiên tòa

2. Anh Đào Xuân L sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn An L, xã P1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Hiện vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị can Lê Thị N, Trần Văn H, Phạm Quốc B, Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T, Hồ Tấn Q và Đào Thanh T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 12/7/2017 Lê Thị N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81K6- 5449 mang theo 01 bộ bầu cua đi từ nhà ở tổ 15, phường An P, thị xã A đến nhà ông Nguyễn An H ở Thôn An P, xã P1, huyện Đ để rủ rê các con bạc tham gia đánh bạc. Khi chạy xe đến nhà ông H thì ông H không có ở nhà, N đặt bộ xóc bầu cua lên mặt bàn uống nước nhà ông H rồi rủ rê mọi người đang ngồi uống nước và đánh bi da trong quán tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc bầu cua thắng thua bằng tiền. Lúc này có Nguyễn Bửu Q, Phạm Quốc B đang uống nước tại quán và Hồ Tấn Q đang đánh bi da trong quán đã đến tham gia. Trước khi đánh bạc, Lê Thị N cầm cái và thống nhất với Q, B, Q mỗi ván các con bạc đặt số tiền từ 50.000 đồng đến 250.000 đồng vào các hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai. Mỗi ván N bỏ 03 hột xúc xắc vào đĩa nhôm, sau đó dùng tô nhôm đậy kín rồi dùng tay giữ tô và đĩa xóc để hột xúc xắc dịch chuyển và đặt xuống tờ giấy in hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai, sau đó những người tham gia chơi đặt tiền vào tờ giấy in hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai. Nếu hình trên cùng của mặt xúc xắc trùng với hình trên tờ giấy mà người chơi đặt cược thì N trả tiền cho người chơi, xúc xắc xuất hiện 01 hình trùng với hình người chơi đã đặt cược thì N trả tiền cho người đặt cược bằng với số tiền mà người đó bỏ ra đặt cược; xúc xắc xuất hiện 02 hình trùng với hình người chơi đã đặt cược thì trả tiền gấp đôi số tiền đã đặt cược; xúc xắc xuất hiện 03 hình trùng với hình người chơi đã đặt cược thì trả tiền gấp ba số tiền đã đặt cược. Sau khi đánh được khoảng 04 ván thì có Trần Văn H, Trần Ngọc T, Đào Thanh T và 03 đối tượng khác (không xác định được nhân thân, lai lịch) đến tham gia đánh bạc, tổng số có 10 người tham gia đánh bạc, trong đó N là người cầm cái và thu, trả tiền thắng thua.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi các đối tượng trên đang đánh bầu, cua sát phạt nhau bằng tiền thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang tạm giữ Lê Thị N, Trần Văn H, Hồ Tấn Q, Phạm Quốc B, Đào Thanh T. Tang vật thu giữ gồm: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại chiếu bạc 4.000.000 đồng; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu rơi vãi, rải rác xung quanh chiếu bạc 3.060.000 đồng; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu trên người các đối tượng đánh bạc 2.800.000 đồng (Trong đó: Lê Thị N 1.700.000 đồng; Trần Văn H 400.000 đồng; Đào Thanh T 700.000 đồng); 05 chiếc điện thoại di động của các đối tượng Trần Văn H, Lê Thị N, Hồ Tấn Q, Phạm Quốc B; 04 xe mô tô biển kiểm soát 81K9-1579; 81N1-4327; 81K6-5449; 59X2-10603 của các đối tượng Lê Thị N, Nguyễn Bửu Q, Trần Văn H, Trần Ngọc T; 01 chậu nhôm màu trắng; 01 đĩa nhôm màu trắng; 01 tờ giấy kích thước (40x30) cm có in hình của các con tôm, cua, cá, gà, nai và quả bầu; 06 hột hình lục giác ở mỗi mặt có in hình các con tôm, cua, cá, gà, nai và quả bầu.

Ngày 13/7/2017 và ngày 17/7/2017 Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tự thú và khai nhận T bộ hành vi đánh bạc của mình.

Kết quả tiến hành điều tra đã xác minh được số tiền mang theo và sử dụng vào mục đích đánh bạc ăn thua của các đối tượng như sau:

Lê Thị N mang theo số tiền 1.700.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc N thắng 1.000.000 đồng, lúc bị bắt quả tang N bỏ lại trên chiếu

bạc 1.000.000 đồng, nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ số tiền 1.700.000 đồng.

Trần Văn H mang theo số tiền 700.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc H thua 150.000 đồng, lúc bị bắt quả tang H bỏ lại trên chiếu bạc 150.000 đồng, nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ số tiền 400.000 đồng.

Phạm Quốc B mang theo số tiền 900.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc B thua 600.000 đồng, lúc bị bắt quả tang B bỏ lại trên chiếu bạc 300.000 đồng.

Nguyễn Bửu Q mang theo số tiền 500.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc thua 500.000 đồng, sau đó Q xin Nguyễn An T 100.000 đồng để trả tiền uống nước nhưng không trả mà đánh bạc và thua 100.000 đồng này.

Hồ Tấn Q mang theo số tiền 200.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc Q thua 200.000 đồng.

Đào Thanh T đòi nợ của Lê Thị N 1.000.000 đồng, N mượn của Nguyễn An T đưa cho T 1.000.000 đồng. T sử dụng 50.000 đồng vào mục đích đánh bạc, khi bỏ chạy T làm rơi mất 250.000 đồng, số tiền còn lại 700.000 đồng không dùng vào đánh bạc nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ.

Trần Ngọc T mang theo 570.000 đồng, chỉ sử dụng số tiền 250.000 đồng vào mục đích đánh bạc nhưng đã thua hết, còn lại 320.000 đồng trong túi quần không dùng vào đánh bạc.

Tổng số tiền mà các đối tượng khai nhận sử dụng vào mục đích đánh bạc qua điều tra xác minh và số tiền thu giữ tại hiện trường đánh bạc là 9.160.000 đồng, trong đó Lê Thị N, Trần Văn H, Hồ Tấn Q, Đào Thanh T, Phạm Quốc B, Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T đã mang theo sử dụng đánh bạc là 4.400.000 đồng; số tiền còn lại là 4.760.000 đồng là của 03 đối tượng tham gia đánh bạc đã bỏ trốn và vứt bỏ số tiền trên tại xung quanh chiếu bạc.

Tại bản cáo trạng số 19/Ctr-VKS ngày 10/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Lê Thị N, Trần Văn H, Phạm Quốc B, Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T, Hồ Tấn Q và Đào Thanh T về tội *"Đánh bạc"* theo Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Thị N, Trần Văn H, Phạm Quốc B, Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T, Hồ Tấn Q và Đào Thanh T về tội *"Đánh bạc"* theo Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 248, Điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo N, H, B, Q, T, Q và T. Áp dụng thêm Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị N từ 07 đến 09 tháng tù. Áp dụng thêm Điểm h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Quốc B từ 05 đến 07 tháng tù. Áp dụng thêm Điểm h Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Khoản 1, Khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn H, Hồ Tấn Q và Đào Thanh T từ 05 đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng. Áp dụng thêm Điều 31; Điểm h, Điểm o

Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T từ 06 đến 08 tháng cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng từ 5% đến 10% đối với bị cáo Q và T. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với tất cả các bị cáo.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì về cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lê Thị N, Trần Văn H, Phạm Quốc B, Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T, Hồ Tấn Q và Đào Thanh T đã thừa nhận hành vi phạm tội và lời khai của nhau, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ tài liệu đã thu thập tại hồ sơ vụ án, phù hợp với những lời khai của người làm chứng nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 12/7/2017 bị cáo Lê Thị N mang theo 01 bộ xốc bầu của đến nhà ông Nguyễn An H trú tại Thôn An P, xã P1, huyện Đ chơi. Tại đây N đã rủ rê và trực tiếp cầm cái cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc, hình thức xóc bầu cua sát phạt thắng thua bằng tiền, các bị cáo Trần Văn H, Hồ Tấn Q, Phạm Quốc B, Đào Thanh T, Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T và 03 đối tượng (không xác định được nhân thân, lai lịch) là những người bỏ tiền ra đặt cược. Mỗi ván các bị cáo quy định mỗi người được đặt cao nhất là 250.000 đồng và thấp nhất là 50.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bầu cua sát phạt nhau bằng tiền thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ bắt quả tang.

Tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc được xác định là 9.160.000 đồng. Trong đó tiền mà các bị cáo đã mang theo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 4.400.000 đồng, số tiền còn lại là 4.760.000 đồng là của 03 đối tượng tham gia đánh bạc đã bỏ trốn và vứt bỏ tại xung quanh chiếu bạc.

Với hành vi đánh bạc trái phép nêu trên có đủ cơ sở pháp lý để truy cứu trách nhiệm hình sự các bị cáo Lê Thị N, Trần Văn H, Phạm Quốc B, Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T, Hồ Tấn Q và Đào Thanh T về tội *"Đánh bạc"* theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Do đó, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai là đúng quy định của pháp luật.

Hành vi đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật đều xâm phạm đến trật tự công cộng mà trực tiếp là xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội bị pháp luật nghiêm cấm. Các bị cáo là người bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc bầu cua của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì ham lời, muốn có tiền một cách nhanh chóng phục vụ cho nhu cầu của bản thân và gia đình không phải lao động vất vả nên đã phạm tội và gây hậu quả xấu cho xã hội làm mất an ninh trật tự,

ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội và mức độ lỗi để thể hiện được tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhằm răn đe nâng cao ý thức tuân thủ chấp hành pháp luật cho mọi người dân.

Xét về tính chất vụ án tuy có nhiều người cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự thống nhất, bàn bạc trước, không có sự tổ chức cấu kết chặt chẽ với nhau, không phân công công việc cụ thể cho nhau, không lên kế hoạch thực hiện, không có người chỉ huy, cầm đầu nên đây là loại đồng phạm giản đơn. Nay cần xét đến vai trò, mức độ tham gia, nhân thân và các tình tiết tăng nặng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo là điều cần thiết.

Trong vụ án đánh bạc trái phép này bị cáo N là người khởi xướng việc đánh bạc và là người cầm cái xóc bầu cua cho các bị cáo khác đặt, năm 2015 bị cáo N bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Chứa mại dâm", chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới do cố ý nên bị cáo N phải chịu tình tiết tái phạm, tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 và Khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Quốc B là người đã có tiền sự về hành vi đánh nhau tại Làng HR, xã Đak K, huyện K, tỉnh Gia Lai, ngày 03 tháng 8 năm 2017 bị Công an huyện K, tỉnh Gia Lai ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt 750.000 đồng về hành vi "Vi phạm quy định về trật tự công cộng"; bị cáo Đào Thanh T không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, ngày 10/3/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", nay đã được xóa án tích về tội này; còn các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T, Hồ Tấn Q khi được rủ rê tham gia đánh bạc lẽ ra phải từ chối nhưng vì ham lời, muốn có tiền một cách nhanh chóng phục vụ cho nhu cầu của bản thân nên đã tham gia đánh bạc cùng với các bị cáo trên.

Tuy nhiên, khi lượng hình cần lưu ý xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, cụ thể:

Các bị cáo Lê Thị N, Trần Văn H, Phạm Quốc B, Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T, Hồ Tấn Q và Đào Thanh T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi lượng hình được quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự được áp dụng chung cho tất cả các bị cáo; các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T, Hồ Tấn Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi lượng hình được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự được áp dụng chung cho các bị cáo H, Q, T1, Q; riêng bị cáo Q và T khi chưa bị ai phát hiện được hành vi phạm tội của mình đã đến Cơ quan điều tra để tự thú khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi lượng hình được quy định tại Điểm o Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự được áp dụng chung cho các bị cáo Q, T. Các bị cáo H, Q, T1, Q và T là lao động chính trong gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác

nhận, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự áp dụng chung cho các bị cáo H, Q, T1, Q và T.

Xét các bị cáo H, Q, T1, Q và T có N tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, không có tiền án, tiền sự, chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có chỗ ở ổn định, không có tình tiết tăng nặng nên có đủ điều kiện để xử các bị cáo H, Q, T1, Q và T hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2013/NQ- HĐTP, ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo mà không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng xã hội, để các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại nơi cư trú, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, vừa đảm bảo tính giáo dục, cải tạo trừng trị nói riêng đối với các bị cáo, vừa đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung cho xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa trong chính sách hình sự của Nhà nước ta.

Đối với anh Nguyễn An T là người đã đưa cho bị cáo Lê Thị N số tiền 1.000.000 đồng, mục đích là để trả nợ cho bị cáo Đào Thanh T và đưa cho bị cáo Nguyễn Bửu Q số tiền 100.000 đồng là để bị cáo Q trả tiền mua nước, không nhằm mục đích đưa cho các bị cáo để đánh bạc, vì vậy, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn An T là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Nguyễn An H là chủ nhà nơi Lê Thị N tổ chức đánh bạc. Trong quá trình điều tra xác định trước, trong thời gian đánh bạc N và các đồng phạm không có xin ý kiến ông H, ông H cũng không có nhận tiền xâu từ việc đánh bạc của các đối tượng đánh bạc, vì vậy, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn An H là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

Ba đối tượng cùng tham gia đánh bạc với các bị cáo, khi bị Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ bắt quả tang đã bỏ trốn, đã tiến hành xác minh nhưng đến nay vẫn chưa xác định được nhân thân lai lịch của 03 đối tượng trên. Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ sẽ tiếp tục điều tra, xác minh khi nào xác định rõ thì sẽ tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng và tiền bạc liên quan đến vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81K6- 5449, nhãn hiệu TIRANA, đây là phương tiện bị cáo N sử dụng để đi đánh bạc. Tuy nhiên, chiếc xe này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Đào Xuân L, trú tại thôn An L, xã P1, huyện Đ, trong quá trình điều tra xác định anh L không biết bị cáo sử dụng xe của mình để làm phương tiện đi đánh bạc. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ đã trao trả cho chủ sở hữu anh Đào Xuân L là phù hợp với quy định của pháp luật, nay Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 81K9- 1579, nhãn hiệu YAMAHA, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPhone, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NoKia của bị cáo Trần Văn H; 01 xe mô tô biển kiểm soát 59X2- 10603, nhãn hiệu SYM của bị cáo Nguyễn Bửu Q; 01 xe mô tô biển kiểm soát 81N1- 4327, nhãn hiệu SHMOTO của bị cáo Trần Ngọc T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NoKia của bị cáo Lê Thị N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của bị cáo Phạm Quốc B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của bị cáo Hồ Tấn Q: Qua điều tra xác minh cũng như căn cứ tài liệu chứng cứ đã thu thập, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ xác định các bị cáo trên mang theo nhưng không sử dụng làm phương tiện, công cụ phạm tội nên đã xử xý bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật, nay Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

Số tiền thu giữ trên người của bị cáo Đào Thanh T 700.000 đồng *(bảy trăm nghìn đồng)*, tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Qua điều tra xác minh xác định đây là số tiền của bị cáo đi lấy nợ về mua thuốc cho con, T1 không đem ra sử dụng vào mục đích đánh bạc, vì vậy đây không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho bị cáo T1 là có căn cứ pháp lý.

Đối với số tiền 9.160.000 đồng *(chín triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng)* tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thu giữ là số tiền mà các bị cáo Lê Thị N, Trần Văn H, Phạm Quốc B, Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T, Hồ Tấn Q, Đào Thanh T và 03 đối tượng tham gia đánh bạc đã bỏ trốn sử dụng vào việc đánh bạc và do phạm tội mà có tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với các vật chứng gồm 01 chậu nhôm màu trắng; 01 đĩa nhôm màu trắng; 01 tờ giấy có in hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai; 06 hộp hình lục giác ở mỗi mặt có in hình các con tôm, cua, cá, gà, nai và hình quả bầu là những công cụ mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại Khoản 3 Điều 248 cuả Bộ luật Hình sự, xét thấy các bị cáo đều có trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, ham vui nhất thời mang tính bộc phát phạm tội, đều là nông dân lao động phổ thông tự do ở vùng sâu, vùng xa, thu nhập không ổn định và đời sống còn gặp N khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương), nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

Ngoài ra, các bị cáo còn phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị N, Trần Văn H, Phạm Quốc B, Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T, Hồ Tấn Q và Đào Thanh T phạm tội *"Đánh bạc"*.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự cho tất cả các bị cáo Lê Thị N, Trần Văn H, Phạm Quốc B, Nguyễn Bửu Q,

Trần Ngọc T, Hồ Tấn Q và Đào Thanh T. Áp dụng thêm Điểm g Khoản 1 Điều 48 và Khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N. Áp dụng thêm Điểm h Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo H, B, Q, T, Q. Áp dụng thêm Điểm o Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Q, T. Áp dụng thêm Khoản 2 Điều 46; Khoản 1 và Khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo H, Q, T1, Q và T.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị N 08 *(tám)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ 10 *(mười)* ngày đã tạm giữ trước đây.

- Xử phạt bị cáo Phạm Quốc B 06 *(sáu)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 24/11/2017, được trừ 10 *(mười)* ngày đã tạm giữ trước đây.

- Xử phạt bị cáo Đào Thanh T 06 *(sáu)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 *(mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 24/11/2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H 05 *(năm)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 *(mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 24/11/2017.

- Xử phạt bị cáo Hồ Tấn Q 05 *(năm)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 *(mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 24/11/2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Bửu Q 04 *(bốn)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 *(mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 24/11/2017

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 04 *(bốn)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 *(mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 24/11/2017.

Giao các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Bửu Q, Hồ Tấn Q cho UBND xã P1, huyện Đ giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Trần Ngọc T, Đào Thanh T cho UBND phường Tây S, thị xã A giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

2. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự,

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 9.160.000 đồng *(chín triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng)* tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là số tiền mà các bị cáo Lê Thị N, Trần Văn H, Phạm Quốc B, Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T, Hồ Tấn Q, Đào Thanh T và 03 đối tượng tham gia đánh bạc đã bỏ trốn sử dụng vào việc đánh bạc và do phạm tội mà có.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chậu nhôm màu trắng; 01 đĩa nhôm màu trắng; 01 tờ giấy có in hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai; 06 hộp hình lục giác ở mỗi mặt có in hình các

con tôm, cua, cá, gà, nai và hình quả bầu là những công cụ mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc không có giá trị.

Đặc điểm các vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/10/2017 giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử buộc các bị cáo Lê Thị N, Trần Văn H, Phạm Quốc B, Nguyễn Bửu Q, Trần Ngọc T, Hồ Tấn Q và Đào Thanh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 24/11/2017 để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng Kiểm tra NV và THA TAND tỉnh;
- VKSND huyện Đ (02 bản);
- Công an huyện Đ (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ (01 bản);
- UBND xã P1, huyện Đ;
- UBND phường Tây S, thị xã A;
- Bị cáo; người có QL, NV liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu hồ sơ THAHS- TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Đức